

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2018/LĐ - PT

Ngày: 16/01/2018

V/v “Tranh chấp về đơn phương
chấm dứt hợp đồng lao động”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoa

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Liên

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Hoa Thiên - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Châu
Hiệp Phát – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 09 và 16 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số
86/2017/TLPT-LĐ ngày 01/11/2017 về việc “Tranh chấp đơn phương chấm dứt
hợp đồng lao động”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 1995/2017/LĐ-ST ngày 22/9/2017 của Tòa án
nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2686/2017/QĐ-PT
ngày 15 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Kim Q, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 409 Lô P, cư
xá T, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Tuấn K; sinh năm
1981; địa chỉ: ấp 3 xã L, huyện C, tỉnh L; địa chỉ liên lạc: Số 05 đường P,
Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 026866, quyền
số 12 ngày 15 tháng 12 năm 2017 tại Phòng Công chứng số M Thành phố Hồ
Chí Minh), có mặt;

2. Bị đơn: Công ty TNHH T; địa chỉ: Tầng 9 Tòa nhà V, Số 68 đường N,
phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Huy T, sinh năm 1967; địa
chỉ: 5A đường N, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ:

85/21/10 đường P, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 01-11/2017/UQ-TY ngày 16 tháng 11 năm 2017), có mặt;

3. Người kháng cáo: Bà Phạm Kim Q, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/9/2016, các bản khai tiếp theo và tại phiên tòa, ông Huỳnh Tuấn K là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Phạm Kim Q vào làm thử việc tại Công ty TNHH T (gọi tắt là Công ty) từ ngày 22/6/2015. Đến ngày 01/9/2015 thì hai bên ký Hợp đồng lao động số 25/2015/HĐLĐ, thời hạn 02 năm (01/9/2015-31/8/2017), mức lương theo hợp đồng là 15.000.000 đồng/tháng để làm căn cứ đóng các chế độ bảo hiểm xã hội. Thực tế hàng tháng bà Q nhận lương theo doanh thu khoảng từ 2.400 USD + chi phí taxi 1.000.000 đồng + phí điện thoại 500.000 đồng do Công ty trả bằng tiền mặt hoặc chuyển vào tài khoản của bà Q. Bà Q đã nhận đủ tiền lương đến hết tháng 01/2016. Khi vào làm việc, bà Q được Công ty giao cho một điện thoại di động và thẻ sim điện thoại, các nhân viên làm việc đều có hộp thư điện tử (email) sử dụng tên miền của Công ty có đuôi là @cititime.com.vn và thường trao đổi công việc với nhau qua email, địa chỉ email của bà Q là: fw.bm@cititime.com.vn.

Ngày 29/01/2016, Ban giám đốc công ty (BGĐ) có trao đổi với bà Q về hướng hợp tác mới trong công việc vì cho rằng bà Q không phù hợp với vị trí hiện tại đảm trách mà phù hợp hơn với vị trí mới đề cập cũng như nhu cầu của Công ty. Trong khi còn đang thương thảo về mức lương, BGĐ đã lấy lý do bà Q vi phạm kỷ luật do nghỉ 02 ngày 04 và 05/02/2016 để áp dụng tức thời “yêu cầu tạm ngưng công việc”, cụ thể là sếp C (tên đầy đủ là Lê Hoàng C) đã gửi email cho bà Q vào ngày 03/02/2016 có nội dung “... đề nghị em tạm ngưng công việc luôn để giữ kỷ luật Công ty”.

Bà Q chấp hành yêu cầu kỷ luật của Công ty, ngày 13/02/2016 (mùng 06 tết) đến văn phòng Công ty soạn dữ liệu bàn giao, nghe trao đổi với BGĐ về việc chấm dứt hợp đồng lao động vì dự án mới chậm thi công. Ngày 15/02/2016, bà Q hoàn thành thủ tục bàn giao sau cùng có ký nhận với trưởng phòng nhân sự và không đến Công ty làm việc từ ngày 16/02/2016.

Ngày 18/02/2016, do không nhận được bất cứ văn bản “quyết định” về việc chấm dứt hợp đồng lao động từ Công ty, bà Q gửi email tóm tắt nội dung yêu cầu của BGĐ và yêu cầu nhận quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, sau đó bà Q nhận được “Biên bản thỏa thuận” từ email của chị Bạch V (trưởng phòng nhân sự) nhưng bà Q đã trả lời lại là không đồng ý với nội dung thỏa thuận đó. Ngày 24/3/2016, Công ty có chuyển vào tài khoản của bà Q số tiền là 20.014.167 đồng và từ đó mặc nhiên kết thúc hợp đồng lao động mà không báo trước cũng như không có văn bản nào, trong khi đó Công ty không chốt mà vẫn tiếp tục đóng các khoản tiền nộp bảo hiểm xã hội gây khó khăn cho bà Q khi về cơ quan mới.

Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2016 đến tháng 8/2016, bà Q vẫn thường xuyên giữ liên lạc với sếp C, chị Bạch V và chị D (là Giám đốc Công ty) để thỏa thuận về công việc mới nhưng không có kết quả nên bà Q khởi kiện. Ông K cho biết đã trao đổi với bà Q nhưng bà Q vẫn giữ nguyên yêu cầu, cho rằng Công ty đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà là trái pháp luật và bà không có nhu cầu quay lại làm việc nên bà Q yêu cầu Công ty phải có trách nhiệm bồi thường 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là 15.000.000 đồng x 02 tháng = 30.000.000 đồng, bồi thường 01 tháng tiền lương là 15.000.000 đồng do vi phạm thời hạn báo trước và tiền lương những ngày không được làm việc từ ngày 03/02/2016 đến hết ngày kết thúc HĐLĐ 31/8/2017 là 285.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền yêu cầu Công ty phải bồi thường là 330.000.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu đồng).

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn bà Q không chấp nhận.

Theo đơn phản tố ngày 30/12/2016, các bản khai tiếp theo và tại phiên tòa, ông Lê Huy T là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn - Công ty TNHH T trình bày:

Bà Phạm Kim Q vào thử việc tại Công ty từ ngày 22/6/2015 và sau đó ký Hợp đồng lao động số 25/2015/HĐLĐ ngày 01/9/2015 có thời hạn 02 năm (01/9/2016- 31/8/2017), mức lương theo hợp đồng là 15.000.000 đồng/tháng để làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội, mức lương thực tế hàng tháng thì dựa trên công việc bà Q làm được và trả bằng tiền mặt hoặc chuyển vào tài khoản bà Q. Công ty đã trả lương cho bà Q đến tháng 01/2016.

Từ ngày 16/02/2016, bà Q tự ý nghỉ việc mà không thông báo, Công ty đã chốt tiền lương đến ngày 15/02/2016 và ngày 24/3/2016 đã chuyển vào tài khoản của bà Q số tiền là 20.014.167 đồng. Bà Q khởi kiện Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà trái pháp luật là không đúng, Lãnh đạo Công ty không có bất kỳ lời nói hay văn bản nào đề nghị chấm dứt hợp đồng lao động với bà Q. Do đó Công ty không chấp nhận trả cho bà Q các khoản tiền yêu cầu bồi thường tổng cộng là 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng).

Ngược lại, Công ty có yêu cầu phản tố cho rằng bà Q đã tự ý nghỉ việc từ ngày 16/02/2016 là hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, yêu cầu bà Q phải bồi thường $\frac{1}{2}$ (nửa) tháng lương theo hợp đồng là 7.500.000 đồng, $\frac{1}{2}$ (nửa) tháng lương do vi phạm thời hạn báo trước là 7.500.000 đồng và hoàn trả lại số tiền là 39.000.000 đồng mà Công ty đã đóng chế độ bảo hiểm xã hội cho bà Q từ tháng 03 đến tháng 10/2016.

Khi bà Q vào làm việc, Công ty có giao cho bà Quyên 01 máy điện thoại Samsung và 01 thẻ sim số 098 803 6568 nhưng bà Q đã giao trả lại cho Công ty máy điện thoại từ ngày 23/12/2015. Trước khi nghỉ việc, bà Q chỉ bàn giao lại thẻ sim vào ngày 15/02/2016, còn các nội dung công việc phụ trách thì bà Q chưa bàn giao lại bất kỳ nội dung gì.

Ngày 10/3/2016, Công ty tiến hành cuộc họp có lập biên bản ghi nhận việc bà Q không đến Công ty làm việc từ ngày 16/02/2016 đến ngày 10/3/2016

mà không có thông tin từ bà Q vì sao không đến làm việc. Công ty vẫn tiếp tục trích đóng các khoản tiền tham gia bảo hiểm xã hội cho bà Q từ tháng 3 đến tháng 10/2016 là do bộ phận kế toán và Lãnh đạo công ty sơ suất, đến ngày 16/11/2016 cơ quan Bảo hiểm xã hội Quận M đến Công ty kiểm tra việc tổ chức thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định mới phát hiện bà Q không có tên trong bảng lương nhưng Công ty vẫn trích đóng nên đề nghị Công ty lập hồ sơ báo giảm lao động.

Bà Q cho rằng BGĐ Công ty trao đổi với bà về hướng hợp tác vị trí công việc mới, cụ thể là trao đổi với ông Lê Hoàng C mà bà Q gọi là sếp C thì đây là thỏa thuận riêng giữa bà Q và ông C, không liên quan đến Công ty. Bà Q nhận đề nghị từ ông C “tạm ngưng công việc để giữ kỷ luật Công ty” và cho rằng Công ty đã đơn phương chấm dứt HĐLĐ trái pháp luật với bà là không đúng, vì ông C không tham gia vào BGĐ của Công ty, không được Công ty giao quyền quyết định tuyển dụng, hoặc cho thôi việc đối với người lao động, hoặc bất cứ vấn đề gì liên quan đến hoạt động của Công ty, ông C chỉ đến công ty làm việc như các nhân viên khác và là chồng của bà Nguyễn Thị Ngọc D – người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Trong các buổi hòa giải tại Tòa án và tại phiên tòa, ông K là người đại diện của bà Q đều trình bày trong khoảng thời gian từ tháng 3 đến tháng 8/2016, bà Q vẫn giữ liên hệ với ông C, chị D để thỏa thuận về công việc mới. Nếu đúng như vậy thì bà Q khởi kiện Công ty đơn phương chấm dứt HĐLĐ trái pháp luật với bà từ ngày 03/02/2016 lại càng không phù hợp. Do đó, Công ty đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu phản tố, sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án, Ban lãnh đạo Công ty đã họp trao đổi và thống nhất chỉ yêu cầu Tòa án xác định việc bà Q đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật kể từ ngày Công ty lập biên bản là 10/3/2016. Công ty rút lại các yêu cầu đòi bà Q phải bồi thường $\frac{1}{2}$ (nửa) tháng lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, $\frac{1}{2}$ (nửa) tháng lương do vi phạm thời hạn báo trước và hoàn trả lại số tiền là 39.000.000 đồng Công ty đã đóng bảo hiểm xã hội cho bà Q nêu trên.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 1995/2017/DS-ST ngày 22/9/2017, Tòa án nhân dân Quận M quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 200, khoản 2 Điều 244 và các Điều 203, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 41 Bộ luật lao động năm 2012;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Kim Q buộc Công ty TNHH T phải bồi thường 02 (hai) tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật; 01 (một) tháng tiền lương do vi phạm thời hạn báo trước; thanh toán tiền lương trong những ngày không được làm việc theo hợp đồng lao động tính từ ngày 03/02/2016 đến ngày kết thúc hợp đồng (ngày 31/8/2017).

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn

Xác định bà Phạm Kim Q đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với Công ty TNHH T.

Hợp đồng lao động số 25/2015/HĐLĐ ký ngày 01/9/2015 giữa bà Phạm Kim Q và Công ty TNHH T chấm dứt kể từ ngày 10/3/2017.

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH T rút các yêu cầu phản tố đòi bà Phạm Kim Q bồi thường $\frac{1}{2}$ (nửa) tháng lương số tiền là 7.500.000 đồng do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật; bồi thường $\frac{1}{2}$ (nửa) tháng lương số tiền là 7.500.000 đồng do vi phạm thời hạn báo trước; đòi bà Q trả số tiền Công ty TNHH T đã đóng theo chế độ bảo hiểm xã hội cho bà Q từ tháng 03/2016 đến tháng 10/2016 là 39.000.000 đồng.

3. Về án phí lao động sơ thẩm:

Bà Phạm Kim Q không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

Công ty TNHH T không phải chịu án phí lao động sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH T số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là: 1.620.000 đồng (*Một triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0004961 ngày 04 tháng 01 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự và quy định về thi hành án.

Ngày 06 tháng 10 năm 2017, bà Phạm Kim Q nộp đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 1995/2017/DS-ST ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Tòa phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện và đơn kháng cáo.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - Ông Huỳnh Tuấn K trình bày: Bà Q nghỉ việc không phải ý chí tự nguyện của bà Q. Công ty TNHH T (người đại diện là ông Lê Hoàng C) đã viện lý do bà Q nghỉ phép hai ngày 04 và 05/02/2016 không được sự đồng ý của Công ty để yêu cầu bà Q nghỉ việc chờ dự án hợp tác mới hợp với năng lực của bà Q. Giữa bà Q và bà Bạch V (trưởng phòng nhân sự Công ty) có trao đổi về việc chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không thành. Ông Lê Hoàng C là chồng của bà Nguyễn Thị Ngọc D - Người đại

diện theo pháp luật của Công ty TNHH T. Bà Q không biết ông C làm công việc gì trong Công ty TNHH T nhưng bà thường xuyên báo cáo công việc cho ông C qua hộp thư điện tử do Công ty cấp. Công ty đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với bà Q chứ không phải bà Q chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty TNHH T. Số tiền 20.014.167 đồng Công ty TNHH T chuyển vào tài khoản của bà Q là tiền lương của bà Q từ ngày 01/02/2016 đến ngày 10/3/2016. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Q, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn - Ông Lê Huy T trình bày: Ông Lê Hoàng C chỉ là chồng của bà Nguyễn Thị Ngọc D, ông C không được phân công nhiệm vụ gì trong Công ty TNHH T. Công ty cũng không có dự án gì mới cần sự hợp tác của bà Q. Việc trao đổi công việc mới giữa bà Q và ông C Công ty không biết, là thỏa thuận riêng giữa bà Q và ông C. Công ty không ra Quyết định cho bà Q nghỉ việc, bà Q tự ý nghỉ việc mà không được sự đồng ý của Công ty, không bàn giao công việc chỉ trả lại sim điện thoại cho Công ty vào ngày 15/02/2016, riêng điện thoại bà Quyên đã trả lại cho Công ty vào ngày 23/12/2015. Công ty không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bà Q, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và hội đồng xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 48 và chấp hành đúng các quy định tại Điều 270, 285, 286 và Điều 292 Bộ luật tố tụng dân sự như: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền và ra thông báo thụ lý phúc thẩm, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử đúng thành phần và phạm vi xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 64, Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự. Trình tự thủ tục xét hỏi tại phiên tòa tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự và thực hiện việc ủy quyền tham gia tố tụng phù hợp quy định tại Điều 85, Điều 86 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T là bà Nguyễn Thị Ngọc D. Ông Lê Hoàng C không phải là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T, ông C cũng không được người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T ủy quyền chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động. Bà Q nghỉ

việc theo đề nghị của ông C là không đúng quy định pháp luật. Người đại diện hợp pháp của bà Q trình bày giữa bà Q và Công ty TNHH T (bà Bạch V - Trưởng phòng nhân sự) có thỏa thuận về việc chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không thành, bà Q không đồng ý với các điều khoản chấm dứt mà Công ty nêu ra, tuy nhiên bà Q cũng không đến Công ty làm việc từ ngày 16/02/2016 là vi phạm nghĩa vụ đã ký kết trong hợp đồng lao động, tự ý đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với người sử dụng lao động. Tòa cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q, chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH T là có căn cứ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn rút một phần yêu cầu phản tố nhưng cấp sơ thẩm không đình chỉ đối với yêu cầu bị đơn đã rút mà ghi nhận sự tự nguyện rút một phần yêu cầu phản tố của bị đơn là chưa chính xác. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm đối với phần này, các phần còn lại giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của nguyên đơn: Đơn kháng cáo của bà Phạm Kim Q trong hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

- Xét yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Kim Q:

Ngày 01/9/2015, bà Q và Công ty TNHH T có ký hợp đồng lao động số 25/2015/HĐLĐ, thời hạn hợp đồng là hai năm từ ngày 01/9/2015 đến ngày 31/8/2017. Bà Q cho rằng bà không tự ý nghỉ việc mà Công ty TNHH T (người đại diện là ông Lê Hoàng C) đã viện lý do bà Q nghỉ phép 02 ngày 04 và 05/02/2016 không được sự đồng ý của Công ty để yêu cầu bà Q nghỉ việc chờ dự án hợp tác mới phù hợp với năng lực của bà Q. Do tin lời của ông C nên bà đã đồng ý. Công ty TNHH T đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà thể hiện qua việc trao đổi thư điện tử giữa bà Q và ông C, bà Bạch V (trưởng phòng nhân sự công ty). Tuy nhiên xét nội dung các email mà bà Q cung cấp cho tòa án không thể hiện việc Công ty TNHH T đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà Q. Nội dung các email này chỉ đề cập đến việc trao đổi giữa bà Q và ông C về việc Công ty không đồng ý cho bà Q nghỉ phép nếu bà Q vẫn nghỉ thì ông C đề nghị bà Q tạm ngưng công việc luôn để giữ kỷ cương và nội dung trao đổi về công việc mới giữa bà Q và ông C. Nội dung email ngày 19/02/2016 giữa bà Q và bà Bạch V chỉ thể hiện việc bà Q không đồng ý với biên bản chấm dứt hợp đồng lao động bà Q cho là bà V gửi qua email cho bà Q. Công ty TNHH T không có quyết định nào cho bà Q nghỉ việc. Bà Q không đến Công ty làm việc từ ngày 16/02/2016 là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ

của người lao động theo hợp đồng lao động đã ký kết như nhận định của Tòa cấp sơ thẩm là có cơ sở. Ông C không phải là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T, không được người đại diện theo pháp luật của Công ty ủy quyền việc chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động nên lời trình bày của bà Q không có cơ sở để xem xét. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ nào khác nên việc bà Q cho rằng Công ty TNHH T đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với bà Q từ ngày 03/02/2016 là không có căn cứ.

Công ty TNHH T cho rằng Công ty không đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà Q mà ngược lại bà Q đã tự ý nghỉ việc từ ngày 16/02/2016. Tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thừa nhận bà Q nghỉ việc từ ngày 16/02/2016, bà Q đã nhận tiền lương từ ngày 01/02/2016 đến ngày 10/3/2016. Thời gian không đến Công ty làm việc của bà Q phù hợp với Biên bản họp ngày 10/3/2016 do Công ty TNHH T lập. Do đó, Tòa cấp sơ thẩm xác định bà Q đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Q về việc yêu cầu Công ty TNHH T bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Công ty TNHH T rút các yêu cầu phản tố về việc yêu cầu bà Q bồi thường nửa tháng tiền lương 7.500.000 đồng do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, bồi thường nửa tháng tiền lương 7.500.000 đồng do vi phạm thời hạn báo trước và hoàn trả số tiền 39.000.000 đồng Công ty TNHH T đã đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 3/2016 đến tháng 10/2016 cho bà Q. Tuy nhiên tại phần Quyết định Tòa cấp sơ thẩm không đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu này mà ghi nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH T về việc rút các yêu cầu trên là chưa chính xác, do đó cần sửa lại cho chính xác phần này.

[3] Về án phí:

Bà Phạm Kim Q và Công ty TNHH T không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

Bà Phạm Kim Q không phải chịu án phí lao động phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 41 của Bộ luật lao động năm 2012;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

Sửa một phần bản án lao động sơ thẩm số 1995/2017/LĐ – ST ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh;

1. Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Kim Q buộc Công ty TNHH T phải bồi thường 02 (hai) tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật; 01 (một) tháng tiền lương do vi phạm thời hạn báo trước; thanh toán tiền lương trong những ngày không được làm việc theo hợp đồng lao động tính từ ngày 03/02/2016 đến ngày kết thúc hợp đồng (ngày 31/8/2017).

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn

Xác định bà Phạm Kim Q đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với Công ty TNHH T.

Hợp đồng lao động số 25/2015/HĐLĐ ký ngày 01/9/2015 giữa bà Phạm Kim Q và Công ty TNHH T chấm dứt kể từ ngày 10/3/2017.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của Công ty TNHH T về việc yêu cầu bà Phạm Kim Q bồi thường $\frac{1}{2}$ (nửa) tháng lương số tiền là 7.500.000 đồng do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật; bồi thường $\frac{1}{2}$ (nửa) tháng lương số tiền là 7.500.000 đồng do vi phạm thời hạn báo trước; yêu cầu bà Phạm Kim Q trả cho Công ty TNHH T tiền bảo hiểm xã hội Công ty TNHH T đã nộp cho bà Quyên từ tháng 03/2016 đến tháng 10/2016 là 39.000.000 đồng.

4. Về án phí

- Án phí lao động sơ thẩm:

Bà Phạm Kim Q không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

Công ty TNHH T không phải chịu án phí lao động sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH T số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là: 1.620.000 đồng (một triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2014/0004961 ngày 04 tháng 01 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí lao động phúc thẩm: Bà Phạm Kim Q không phải chịu án phí lao động phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Tòa án nhân dân Quận 1;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thoa